Chi tiết mã HS 9705.29.00

Mã HS	9705.29.00
Mô tả hàng hóa	Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại khảo cổ, dân tộc học, sử học, động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học, cổ sinh vật học hoặc các loại tiền / - Bộ sưu tập và các vật phẩm sưu tập chủng loại động vật, thực vật, khoáng vật, giải phẫu học hoặc cổ sinh vật học: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 09:51:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/97052900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19044
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19044
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19044
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18312
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18241
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18241
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18241
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18241
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18241
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18241
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18297
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18297
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18297
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18297

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18297
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18297
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18298
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18298
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18298
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18298
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18298
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18298
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18303
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18260
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18255
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18255
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18255
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18255
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18255
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18255
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18303
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18303
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18303
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18303
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18303
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18303
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18367
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18367
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18367
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18367

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18367
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18367
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18341
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18341
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18341
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18341
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18341
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18341
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18334
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18334
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18334
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18334
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18334
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18334
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18364
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18364
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18364
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18364
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18364
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18364
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18363
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18363
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18363
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18363
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18363
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18363

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18457
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18457
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18457
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18457
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18457
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18457
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18457
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18328
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18328
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18328
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18328
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18328
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18328
RCEP B	2022	2022	0	B!D18328
RCEP B	2023	2023	0	B!E18328
RCEP B	2024	2024	0	B!F18328
RCEP B	2025	2025	0	B!G18328
RCEP B	2026	2026	0	B!H18328
RCEP B	2027	2027	0	B!I18328
RCEP C	2022	2022	0	C!D18326
RCEP C	2023	2023	0	C!E18326
RCEP C	2024	2024	0	C!F18326
RCEP C	2025	2025	0	C!G18326
RCEP C	2026	2026	0	C!H18326
RCEP C	2027	2027	0	C!I18326
RCEP D	2022	2022	0	D!D18325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18325
RCEP D	2024	2024	0	D!F18325
RCEP D	2025	2025	0	D!G18325
RCEP D	2026	2026	0	D!H18325
RCEP D	2027	2027	0	D!I18325
RCEP E	2022	2022	0	E!D18330
RCEP E	2023	2023	0	E!E18330
RCEP E	2024	2024	0	E!F18330
RCEP E	2025	2025	0	E!G18330
RCEP E	2026	2026	0	E!H18330
RCEP E	2027	2027	0	E!I18330
RCEP F	2022	2022	0	F!D18328
RCEP F	2023	2023	0	F!E18328
RCEP F	2024	2024	0	F!F18328
RCEP F	2025	2025	0	F!G18328
RCEP F	2026	2026	0	F!H18328
RCEP F	2027	2027	0	F!I18328
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17174
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17174
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17174
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17174

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9705.29.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9705.29.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9705.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9705.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19044), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.